

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH PHÚ  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/DS – ST

Ngày: 10-5-2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Văn Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Chót

Ông Dương Văn Hai

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Khánh Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú.

***Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Phúc Quý – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2021 tại phòng xét xử của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 215/2020/TLST- DS ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2021/QĐXXST- DS ngày 01 tháng 4 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 20/2021/QĐST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2021. giữa các đương sự:

***\* Nguyên đơn:***

1. Ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1982
2. Bà Nguyễn Thị Ái N, sinh năm 1987

Cùng nơi cư trú: ấp AT, xã AT, huyện BT, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Thành Đ là anh ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1993, địa chỉ: ấp KT, xã HKT, huyện MCB, tỉnh Bến Tre. (Anh Nguyễn Thanh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

***\* Bị đơn:*** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1979 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: số nhà 86/2 ấp GT, xã GT, huyện P, tỉnh Bến Tre.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Thành Hoài trình bày:*

Vào ngày 01/10/2018 ông Nguyễn Văn T có mượn của ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Thị Ái N số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn mượn là 01 tháng ngày 30/11/2018 phải trả lại số tiền mượn, ông Tấn có lập giấy tay và lấn tay xác nhận. Nhưng kể từ ngày mượn đến nay ông Nguyễn Văn T không có trả lại theo đúng cam kết nay đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Nay ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Thị Ái N yêu cầu Tòa giải quyết buộc ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả số tiền mượn 300.000.00 đồng không yêu cầu tính lãi.

*\* Quá trình tố tụng bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:*

Tôi thừa nhận trước đây vào khoảng năm 2018 tôi cùng với ông Đ và bà N có đầu tư nuôi sò nhưng do nuôi sò chết nên bà N rút lại vốn, tôi không có tiền trả lại vốn cho bà N nên tôi đồng ý làm giấy mượn tiền với bà N là 300.000.000 đồng. Sau tôi có trả dần mỗi lần từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng tổng cộng trả được là 199.000.00 đồng nên còn nợ lại 101.000.000 đồng. Sau đó bà N có thuê người khác tên là Khoa, Rãnh (quê ở Ba Tri với bà N) đến nhà tôi đòi tiền thì tôi có thống nhất với K, R là sẽ trả cho anh K số tiền 53.000.000 đồng là sẽ hết số nợ trên. Tôi đã trả cách nay 07 - 08 tháng tức là khoảng tháng 02 năm 2020, khi tôi trả cho anh K không làm biên nhận. Nên hiện nay tôi không đồng ý trả 300.000.000 đồng cho ông Đ và bà N do tôi không còn nợ gì đối với bà N.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- *Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án thông đạt hợp lệ các thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng tham dự không đầy đủ, nhiều lần vắng mặt không có lý do là chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Thị Ái N về việc buộc ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ trả số tiền 300.000.000 đồng, ghi nhận việc ông Đ và bà N không yêu cầu tính lãi đối với số tiền vay.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện của anh Nguyễn Thành Đ và chị Nguyễn Thị Ái N vụ án có quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; bị đơn ông Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre có thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Thanh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Tòa án xét xử vắng mặt anh Đ và ông Tấn là đúng theo quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Về nội dung giải quyết vụ án: Xét việc thỏa thuận vay tiền của ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Thị Ái N với ông Nguyễn Văn T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật nên hợp pháp. Khi khởi kiện nguyên đơn ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Thị Ái N có cung cấp cho Tòa án biên nhận mượn tiền ngày 01/10/2018 có nội dung ông Nguyễn Văn T xác nhận có mượn số tiền 300.000.000 đồng. Quá trình tố tụng ông Nguyễn Văn T thừa nhận có mượn ông Đ và bà N số tiền 300.000 đồng, nhưng ông T đã trả dần mỗi lần từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng, tổng cộng trả được là 199.000.00 đồng nên còn nợ lại 101.000.000 đồng. Sau đó bà N có thuê người khác tên là Khoa và Rãnh (quê ở Ba Tri) đến nhà ông Tấn đòi tiền thì ông Tấn có thống nhất với ông K và ông R sẽ trả cho ông K số tiền 53.000.000 đồng là hết số nợ trên. Ông T đã trả cách nay 07 - 08 tháng tức là khoảng tháng 02 năm 2020, khi ông T trả cho ông K 53.000.000 đồng không làm biên nhận nên hiện nay ông T không còn nợ gì đối với ông Đ và bà N. Trong quá trình giải quyết vụ án lời trình bày của ông Tấn không được nguyên đơn thừa nhận. Tòa án đã ra thông báo yêu cầu ông T cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh ông và ông Đ, bà N có

hùng đầu tư nuôi sò; Tài liệu, chứng cứ chứng minh ông đã trả cho ông Đ và bà N số tiền 199.000.000 đồng còn nợ lại số tiền 101.000.000 đồng; Tài liệu, chứng cứ chứng minh ông T và ông Đ và bà N, ông Khoa và ông R thỏa thuận thống nhất ông chỉ có nghĩa vụ trả số tiền 53.000.000 đồng không cần phải trả số tiền 101.000.000 đồng là hết nợ và hiện tại ông T đã trả xong; Tài liệu, chứng cứ chứng minh ông T đã trả cho ông Đ và bà N số tiền 300.000.000 đồng và hiện nay không còn nợ tiền ông Đ và bà N; Yêu cầu ông T cung cấp năm sinh, địa chỉ của ông K, ông R ở đâu thì ông T không có cung cấp được tài liệu, chứng cứ theo các yêu cầu trên của Tòa án. Theo quy định tại khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp lệ, bị đơn thừa nhận chứng cứ nguyên đơn cung cấp, nên nghĩa vụ chứng minh thuộc về bị đơn. Ông T không chứng minh được ông đã trả cho ông Đ và bà N số tiền 300.000.000 đồng, nên lời trình bày của ông T không có căn cứ để xem xét; nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đ và bà N là đúng quy định của pháp luật.

Ghi nhận việc nguyên đơn không yêu cầu tính lãi đối số tiền nợ của bị đơn.

[3] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về án phí: Do khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Thị Ái N được chấp nhận, nên ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định tại Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 và Điều 147, 273, 27, 228 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, 465, 466, 357 và 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Thị Ái N**

Buộc ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Thị Ái N số tiền là 300.000.000 đồng.

**2. Án phí dân sự sơ thẩm:** Ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ chịu là 15.000.000 đồng.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 7.500.000 đồng cho ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Thị Ái N theo biên lai thu số 0003167 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành xong.

**3. Quyền kháng cáo:** Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre
- VKS nhân dân huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THA DS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ vụ án, VP);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

*(Đã ký)*

**Đặng Văn Phương**